

## CẢM NGHĨ VỀ THẦY - GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH

### MỘT VÀI KÝ ỨC VỀ THẦY ĐÀO

Dinh Xuân Lâm<sup>(\*)</sup>

Tôi được biết về Giáo sư Đào Duy Anh từ rất sớm qua đọc các sách báo do ông viết và xuất bản trước năm 1945. Có hai cuốn sách của ông khi còn học trung học tôi rất thích là *Trung Hoa sử cương* và *Việt Nam văn hoá sử cương*. Còn báo thì là các bài nghiên cứu về lịch sử, văn học đăng trên hai tạp chí *Tri Tân*, *Thanh Nghị*.

Nhưng phải tới sau kháng chiến toàn quốc bùng nổ (1946), tôi mới được trực tiếp gặp và quen ông. Lúc đó gia đình ông tản cư về huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, gần trường Trung học Đào Duy Từ là nơi tôi dạy mới từ thành phố Thanh Hoá dời lên, mấy người con ông vì thế đều trở thành học sinh của trường. Mối quan hệ từ nay đã trở thành phụ huynh học sinh với nhà trường.

Kỳ nghỉ hè năm 1947, tỉnh Thanh Hoá có tổ chức một lớp bồi dưỡng chính trị, văn hoá cho giáo viên. Nhiều nhà khoa học, giáo dục, văn nghệ sĩ nổi tiếng lúc đó có mặt ở Thanh Hoá, như Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Vũ Ngọc Phan, Trương Tửu, Nguyễn Lương Ngọc... đã tới trình bày chuyên đề. Vốn ham thích môn lịch sử, những bài giảng của ông Đào Duy Anh đặc biệt thu hút tôi.

Có một sự may mắn là cũng vào thời kỳ này, các ông Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt, Vũ Ngọc Phan đều có con học trường Đào Duy Từ nên các ông

thường tới thăm trường và các giáo viên. Nhờ vậy, vào năm 1948 một nhóm nghiên cứu Văn - Sử đã ra đời, ngoài một số nhà văn hoá đã nhắc tên ở trên, còn có các giáo viên dạy các môn khoa học xã hội của trường Đào Duy Từ. Nhóm nghiên cứu Văn - Sử sinh hoạt định kỳ một tháng một lần, khi thì Giáo sư Đặng Thai Mai thuyết trình về tác phẩm *Chinh phụ ngâm*, khi thì Giáo sư Đào Duy Anh nói chuyện về tác phẩm *Hoa Tiên*, lại còn giới thiệu cả tác phẩm *Trình thủ* (tôi không nhớ tên người giới thiệu). Trong hoàn cảnh kháng chiến mà có một tổ chức văn hoá sinh hoạt đều đặn và nghiêm túc như vậy ở một vùng nông thôn, kể cũng lạ và hiếm! Đó là chưa nói rằng những người chủ chốt của nhóm nghiên cứu đều bận trăm công ngàn việc, ông Đặng Thai Mai lúc đó giữ chức Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính tỉnh Thanh Hoá, ông Tôn Quang Phiệt phụ trách công tác Mặt trận Liên Việt tỉnh, ông Đào Duy Anh là Chủ tịch Hội Văn nghệ Liên khu 4, và đi họp hàng tháng nào có phải gần gũi gì, hàng mấy chục cây số đường quê, phần lớn là chống gậy đi bộ, "sang" lắm mới có "cán vụ" đèo xe đạp. Nhóm nghiên cứu Văn - Sử đối với chúng tôi - những giáo viên trẻ măng được đào tạo theo chương trình của Pháp - thực sự bổ ích. Có thể nói đó là trường học đầu tiên bồi dưỡng nâng cao trình độ chúng tôi về khoa học

<sup>(\*)</sup> GS., Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

xã hội nhân văn để có thể hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy trong hoàn cảnh không có sách giáo khoa và tài liệu tham khảo.

Cũng vào thời gian này, tôi được đọc cuốn *Duy vật sử quan* của Đào Duy Anh giới thiệu ngắn gọn, dễ hiểu quan điểm của Chủ nghĩa Mác về lịch sử, có liên hệ với lịch sử Việt Nam. Chính nhờ có cuốn sách nhỏ này mà tôi có thể báo cáo trước lớp bồi dưỡng giáo viên toàn tỉnh Thanh Hoá vào dịp nghỉ hè 1948 về việc giảng dạy môn lịch sử ở trường trung học. Nhưng rồi nhóm nghiên cứu Văn - Sử ở trường Đào Duy Từ cũng chẳng hoạt động được lâu vì sau đó các thành viên trụ cột của nhóm như Đặng Thai Mai, Tôn Quang Phiệt và Đào Duy Anh đều ra Việt Bắc nhận nhiệm vụ mới.

Sau cải cách giáo dục năm 1950, trên đường đi công tác, tôi may mắn mua được cuốn giáo trình *Lịch sử Việt Nam* của Đào Duy Anh trong một quán sách. Sách in trên giấy xấu, khó đọc, không rõ theo con đường nào mà từ Việt Bắc vào đến xứ Thanh. Đối với tôi lúc đó, cuốn sách quả là món quà quý. Tôi đã đọc kỹ cuốn sách, nhờ vậy đã có một số thu hoạch mới về lịch sử dân tộc, điều đó giúp tôi soạn và giảng bài có chất lượng hơn nhiều, so với trước đó chủ yếu là dựa vào *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim.

Thời gian thấm thoát trôi qua, kể từ ngày ông Đào Duy Anh ra Việt Bắc, tôi ít có tin tức về ông, chỉ nghe có người nói rằng ông ốm, có thời gian về Thanh Hoá dưỡng bệnh, nhưng vì lúc đó tôi không còn dạy ở trường cũ nữa nên không có điều kiện tới thăm, ít lâu sau vui mừng

nghe tin ông đã bình phục và năm 1953 đã về dạy Dự bị đại học và Sư phạm cao cấp ở Thanh Hoá.

Thế rồi kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp thành công (1954), sau tiếp quản Thủ đô Hà Nội (10-10-1954), các trường đại học mở cửa thu nhận sinh viên, học sinh các vùng tự do và một số sinh viên thời Hà Nội tạm bị chiếm còn ở lại. Sau Tết năm 1955, khi tôi vừa hoàn thành công tác tuyển sinh cho tỉnh thì đột ngột nhận được quyết định của Sở Giáo dục Liên khu 4 cử ra Hà Nội học trường Đại học Sư phạm, chậm gần 2 tháng sau khi các trường đại học đã khai giảng. Tôi sẽ không bao giờ quên buổi đầu tiên nhập học chiều hôm đó, khi đang hỏi đường vào lớp trong hành lang giảng đường thuộc khu vực trường Đại học trên đường Lê Thánh Tông thì gặp Giáo sư Đào Duy Anh vào. Thấy tôi, ông vui vẻ hỏi tìm ai? ra Hà Nội có việc gì? Tôi trình bày là được cử ra học Đại học Sư phạm ngành Sử. Ông tỏ ý vui mừng bảo tôi đi theo ông tới lớp (vì là giáo viên nên tôi được đặc cách lên năm thứ 2), và thú vị thay người lên lớp chiều hôm đó chính là Giáo sư Đào Duy Anh. Buổi chiều hôm đó là buổi học đầu tiên tôi ngồi nghe giảng với một tư cách là sinh viên đại học, và thầy dạy giờ đầu tiên cho tôi là thầy Đào Duy Anh. Nhưng sự thật thì thầy Đào đã dạy tôi từ lâu, từ trước cách mạng và trong kháng chiến qua các công trình nghiên cứu của Thầy, qua các buổi sinh hoạt khoa học cùng Thầy, và cả qua những bài giảng của Thầy tại trại hè của ngành giáo dục tỉnh Thanh Hoá năm 1947 tại huyện Thiệu Hoá trên bờ sông Chu năm xưa.

## MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH

Hà Văn Tấn<sup>(\*)</sup>

Năm 1954, ra Hà Nội, tôi mới được trực tiếp gặp Giáo sư Đào Duy Anh. Tôi nhớ lần gặp nhau đầu tiên là ở hiệu sách Trường Tiên. Lần đó ông có hỏi thăm ông bác tôi. Từ đó về sau, ngoài giờ nghe ông giảng trên giảng đường, thỉnh thoảng tôi có đến nhà ông để đưa thắc mắc của anh em trong lớp vì tôi được phân công phụ trách môn Cổ sử Việt của lớp tôi. Thường đến nhà ông cùng anh Hoàng Văn Lân, học trên tôi một lớp.

Tháng 7 năm 1954, năm tôi tốt nghiệp có một chuyện đáng nhớ. Một hôm ông cho người gọi đến. Tôi hơi băn khoăn vì hàng ngày tôi đến nhà ông mà không ai bảo cả. Đằng này là có người gọi là Giáo sư cần gặp. Lần đó, sau khi để tôi ngồi bên bàn nước, ông lấy trong ví ra 5 đồng để trước mặt tôi và nói:

- Cho anh tiền tàu xe về quê.

Chắc ông đoán ra hoàn cảnh tôi. Tôi vô cùng xúc động (xúc động cho đến giờ, khi tôi ngồi viết những dòng này).

Sau khi về quê lần đó, tôi trở lại trường, làm tập sự trợ lý ở bộ môn ông. Tôi coi đó là một dịp may hiếm có trong cuộc đời tôi. Có lần ông đã cho tôi chiếc bút máy kim tinh trên có khắc ba chữ Đào Duy Anh bằng chữ Hán. Tôi rất tiếc là chiếc bút máy đó tôi đã đánh mất. Đặc biệt là thỉnh thoảng ông lại cho tôi các

tài liệu của ông. Gần đây tôi có tìm được quyển *Các hình thức sản xuất trước chủ nghĩa tư bản* in ở Trung Quốc, trên có dòng chữ "tặng anh Trần Quốc Vượng và anh Hà Văn Tấn ngày 19-3-1957". Quyển sách này là một tác phẩm quan trọng của Mác. Trước đây chỉ có bản dịch ở Trung Quốc và chỉ có ở Thư viện Trung ương đường Trường Thi. Tôi và anh Vượng phải ra đọc ở Trường Thi. Chắc là biết chuyện đó nên trong chuyến đi Trung Quốc, Giáo sư Đào Duy Anh đã mua quyển sách đó và tặng anh Vượng và tôi. Điều đó nói lên sự quan tâm của Giáo sư đối với chúng tôi.

Từ bé, tôi đã say mê cách nghiên cứu của Giáo sư Đào Duy Anh. Tôi nhớ là từ năm 1951, tôi mượn được số báo Thanh Nghị có in bài *Vấn đề Giao chỉ* của Giáo sư. Tôi đã phải ngồi chép lại cái bài rất dài đó. Và qua đó, tôi đã biết các vấn đề mà sau này Giáo sư trình bày trong *Cổ sử Việt Nam*. Cũng qua đó tôi học được rất nhiều, chẳng hạn tôi hiểu thế nào là đồ đồng, tức tô tem. Có thể nói là bài đó ảnh hưởng đến bài viết đầu tiên của tôi về tô tem của người Việt cổ.

Các phong cách chú trọng sử liệu của Giáo sư cũng đã ảnh hưởng đến tôi.

Làm việc với Giáo sư Đào Duy Anh, công việc đầu tiên mà tôi được giao là

<sup>(\*)</sup> GS. Viện Khảo cổ học

hiệu đính bản dịch *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi. Sau đó lại phải chú thích các địa danh. Về mặt này, tôi học tập được nhiều điều về địa lý học lịch sử ở Giáo sư. Ngày nay, đọc lại *Dư địa chí*, tôi không thể nào hình dung được mình đã hoàn thành công trình đó thế nào ở tuổi 20. Nếu không có sự chỉ bảo của Giáo sư và tấm gương của Giáo sư thì tôi chắc là không thể hoàn thành được công trình đó. Ngày đó, tôi được Giáo sư Đào Duy Anh giao cho trách nhiệm làm thư ký bộ môn. Bấy giờ bộ môn có một tủ sách riêng, có nhiều sách lấy ở thư viện Cao Xuân Dục như bộ *Đại Nam nhất thống chí* - Tự Đức, bản viết tay (tôi chú thích *Dư địa chí* được là nhờ ở bộ sách này). Về sau, Giáo sư Đào Duy Anh lại đem về tủ sách rất nhiều sách Hán Nôm mượn được ở gia đình Hoàng Xuân Hãn. Giáo sư Đào Duy Anh giao cho tôi phải trông coi tủ sách, nhờ đó tôi đọc được rất nhiều điều bổ ích cho công việc sau này. Giáo sư Đào Duy Anh giao cho tôi nhiệm vụ phải dịch toàn bộ phần viết về Việt Nam trong bộ sử toàn thế giới của Liên Xô. Sau này Giáo sư Đào Duy Anh có tâm sự với tôi: "Tôi già rồi không học được tiếng Nga nữa, anh còn trẻ, nên học tiếng Nga vì Đông phương học của Liên Xô có những tiến bộ đáng trân trọng". Ông cũng từng nói với tôi rằng: "Muốn hiểu văn hoá Việt Nam thì phải hiểu biết về Ấn Độ và Trung Quốc". Chính điều đó đã khiến tôi học chữ Phạn và tìm hiểu các trường phái triết học cổ Ấn Độ.

Tôi không thể nào kể hết các ảnh hưởng của lớn lao của Giáo sư Đào Duy Anh đối với tôi. Giờ đây khi viết các công trình khoa học, tôi đã nhận ra những ảnh hưởng đó. Ảnh hưởng càng lớn khi

mà tình cảm Giáo sư đối với tôi, tôi biết là rất ấm áp, không chỉ là tình thầy trò mà còn pha lẫn mối tình cha con. Vì thế qua những lần nói chuyện riêng, ông đã để lộ ra nhiều tâm sự. Chúng ta có thể hiểu những tâm sự đó nếu hiểu được cuộc đời ông. Có lần tôi kể với ông là tôi đã đọc quyển *Nguyễn Du kỷ niệm văn học phổ* do ông biên tập trước cách mạng. Tôi đã thuộc lòng các bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du in trong tập sách này như *U cư*, *Sơn cư*, *Độc Tiểu Thanh ký*... Ông đã khen tôi là cường ký, và nhiều lần đề nghị tôi đọc lại những bài thơ đó cho ông nghe, đặc biệt là bài *Độc Tiểu Thanh ký*. Ông tâm đắc với những câu: *Cổ kim hận sự thiên nan vấn, Phong vận kỳ oan ngã tự cư* và nhất là câu *Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*. Tôi nghĩ rằng với tâm sự đó, mà sau này ông dịch *Sở từ* của Khuất Nguyên. Đặc biệt là tôi nhớ lần ông tâm sự sau hội thảo kỷ niệm Nguyễn Trãi. Lần đó tôi thấy ông lo lắng về tình trạng văn bản tác phẩm Nguyễn Trãi và khuyên rằng lớp trẻ chúng tôi nên tham gia vào công tác này. Hôm ấy ông còn thổ lộ tâm sự và ông đọc cho tôi nghe mấy câu thơ của ông:

*Làm người khổ lắm ai ơi.*

*Kiếp sau tôi chẳng làm người nữa đâu*

*Một đời nước mắt ngập đầu*

*Cho hồn tinh vệ biết đâu mà tìm*

Chẳng là ông vẫn ví mình như chim tinh vệ ngậm những hòn đá nhỏ để lấp biển. Tôi không biết rõ là ông đã có viết mấy câu thơ này ở đâu chưa, hay là ông chỉ đọc cho riêng tôi... Tôi kể lại ở đây để kết thúc những dòng kỷ niệm về Giáo sư Đào Duy Anh.

## TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ

Trần Quốc Vượng<sup>(1)</sup>

Tôi nghe danh tiếng cụ Đào Duy Anh đã khá lâu - ở thập niên 40 của thế kỷ XX, khi còn là một “nhóc con” học ở trường trung học (nay tôi đã vào tuổi “thất tuần” và đã có “quá khứ” 48 năm dạy Đại học Nhân văn, cũng do cụ Đào - thầy tôi đun đậy).

Không hiểu sao, ở Liên khu 3 thời kháng chiến chống Pháp, tôi học Giáo sư Lâm Hữu Bàng (tôi bị bắt tin thầy từ năm 1950) - từ năm thứ nhất đến năm thứ tư (1946-1950) ở trường Trung học Nguyễn Biểu Hà Nam - mà thầy Bàng lại có được cuốn *Việt Nam lịch sử giáo trình* của cụ Đào Duy Anh (viết khoảng 1948-1949), ở Liên khu 4.

Thú thật, trước đó, vì “học leo” các anh chị ở các trường Chu Văn An, trường Đỗ Hữu Vị ở Hà Nội, trước 1945-1946, tôi đã “ngốn” cuốn sách giáo khoa *Việt Nam sử lược* của học giả Trần Trọng Kim rồi. Thế mà, ra kháng chiến, đọc và học *Việt Nam lịch sử giáo trình* của cụ Đào Duy Anh, tôi không ngốn nổi. Có thể vì cụ Đào viết theo “quan điểm Mác - xít” mà tôi chưa quen. Cũng có thể vì sách thì dày (4 tập), lại in trên giấy rất đen và in xấu (do “hoàn cảnh kháng chiến” thời đó), rất khó đọc. Nhưng thôi, “dừng đỗ cho hoàn cảnh khách quan” có lẽ tôi còn

quá nhỏ tuổi và quá dốt nên “đọc” cụ Đào “khó nhai - nuốt” hơn đọc cụ Trần.

Rồi cũng đọc ở đâu đó (hình như ở Thái Bình - chợ Đống Năm, trong các sạp sách cũ trước 1950) những sách của cụ Đào như *Trung Hoa sử cương*, *Muốn hiểu sử học*, *Việt Nam văn hóa sử cương*, *Dân tộc là gì?* ... (chắc là ở trong bộ sách của *Quan hải tùng thư*), tôi cũng chỉ hiểu lơ-tơ-mơ...

Lúc bấy giờ, tôi thích các sách toán của Tây hơn, nó *duy lý* và *dễ hiểu* (dù tri thức Pháp văn của tôi thì cũng “xoàng” thôi).

Bước ngoặt của cuộc đời tôi và sự nghiệp tôi là từ sau năm “tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công” (khoảng năm 1950). Từ Khu 3, tôi “di cư” vào xứ Thanh, thi tốt nghiệp trung học rồi theo học trường Lam Sơn (trước mang tên Đào Duy Từ). Hết lớp “9 bổ túc” (sau gọi là lớp 10) tôi vào học trường Dự bị đại học ở Thanh Hoá (khoảng 1951-1952). Tại đây, tôi đã gặp và được học với những bậc thầy nổi tiếng từ lâu trong cả nước: Trần Văn Giàu, Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu... Và nhất là cụ Đào Duy Anh (năm ấy tuổi “chưa đầy năm mươi” nhưng đã “già dặn” lắm).

<sup>(1)</sup> GS., Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cụ Đào từ Việt Bắc (hình như là thành viên Hội Văn học - Nghệ thuật, Ban Sử - Địa, Bộ Giáo dục) về xứ Thanh dương bệnh (cụ đã mắc bệnh lao phổi hay là một thứ bệnh gì đó về hệ hô hấp). Theo tôi còn nhớ được, hình như ban đầu cụ Đào chưa phải là thành viên của trường Dự bị đại học và Sư phạm cao cấp do các Giáo sư Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai... sáng lập (trong *Hồi ký*, cụ Đào nói mùa thu 1953 cụ mới công tác ở Trường). Giáo sư Trần Văn Giàu vừa dạy triết (duy vật biện chứng và duy vật lịch sử) vừa bình giảng về lịch sử Việt Nam theo các tài liệu của cụ Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Trần Trọng Kim.

Thu - Đông 1953, Giáo sư Giàu phải lên Việt Bắc họp, đi lại hàng tháng trời. Ông nhờ cụ Đào đến trường thi thoảng thay ông và giao cho tôi (lúc ấy là Thường vụ Hiệu đoàn, phụ trách Văn khoa) phải phụ trách việc tổ chức đưa đón cụ Đào. Trước khi đi Việt Bắc, thầy Giàu còn dặn tôi: *"Anh Đào bị lao, nếu anh không dạy được thì "chú" phải đến tận nhà (ở Đu) nghe anh ấy giảng, "chú" ghi chép lại tỉ mỉ rồi về "thuyết trình" lại cho sinh viên các chú nghe. Nhưng nhớ là phải nói đây là ghi lại lời Giáo sư Đào Duy Anh, "chú có nhiệm vụ ghi lại và truyền đạt lại lời Giáo sư Đào"*.

Tôi thực hiện rất nghiêm chỉnh lời chỉ thị của Giáo sư, Giám đốc kiêm Bí thư Đảng uỷ Nhà trường.

Giáo sư Đào Duy Anh chỉ đến lớp được hai tối. Ông ngồi trên ghế gỗ đặt sau cái bàn gỗ để ở hàng hiên của một căn nhà sau chủ nhân bị "quy" là "địa chủ". Trên bàn đặt một ngọn đèn dầu leo lắt mà ông còn bảo vụn nhỏ thôi hoặc tắt đi cũng được vì ông nói ("thuyết trình") không cần "nhìn" vào một giáo trình - giáo án chi cả. Sinh viên chúng tôi ngồi ngoài sân, những cái bàn cái ghế đã chiến xình xình, nhỏ bé, xách tay - kẹp nách và dưới những ngọn đèn còn leo lắt hơn, phần lớn làm bằng những vỏ lọ "pê-nê-xi-lin" bé tí tẹo (của Giáo sư Đặng Văn Ngữ) chứa được khoảng 2-3 cm<sup>3</sup> "dầu hoả", thắp khoảng 2 - 3 giờ là tắt.

Cụ Đào Duy Anh cứ thế giảng miên miên về "Cổ sử Việt Nam", "Lịch sử Việt Nam" *không một tờ giấy dưới tay, trên bàn* (sau này tôi mới biết là cụ đã biên soạn các giáo trình này từ khi còn ở Việt Bắc).

Sau 2 - 3 tối, cụ Đào ho lụ khụ. Ban Giám đốc Nhà trường bảo tôi đến nhà cụ, nghe cụ giảng rồi về "thuyết trình" lại cho đồng môn. Trên thực tế, tôi đã là "trợ lý" của cụ Đào từ Thu Đông 1953. Sau này (1/7/1956), tốt nghiệp thủ khoa cử nhân Sử Địa (cùng Phan Huy Lê), tôi được giữ lại làm "tập sự trợ lý" cho Giáo sư Đào Duy Anh dường như là một sự tất nhiên.

Mọi sự về sau, duyên nợ với cụ Đào, tôi đã thuật lại trong cuốn *Khoa Sử và tôi*. Thôi không cần nói nữa...

## CẢM NGHĨ VỀ THẦY ĐÀO DUY ANH

Trương Hữu Quỳnh (\*)

Sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng, tháng 10 năm 1954, các trường đại học được mở lại ở Hà Nội. Tôi cùng một số bạn bè cũ đã may mắn được bước chân vào đại học, trở thành sinh viên Đại học Sư phạm và là học trò của Thầy Đào Duy Anh - người thầy giáo chuyên về lịch sử Việt Nam cổ trung đại. Được học Thầy, đọc sách của Thầy, nghe nói chuyện về Thầy, dần dần tôi mới biết Thầy là một nhà sử học, một nhà văn hoá có danh tiếng.

Ngay từ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, khi Thầy còn rất trẻ, ở độ tuổi 25 - 35, Thầy đã là một nhà hoạt động chính trị, một nhà khoa học, một nhà báo được nhiều người hâm mộ. Thầy đã dày công nghiên cứu, biên soạn nhiều bộ sách quý như: *Việt Nam văn hoá sử cương*, *Hán - Việt từ điển*, *Pháp - Việt từ điển* không chỉ có giá trị đương thời mà còn có giá trị đến ngày nay. Bên cạnh đó, Thầy còn viết nhiều bài báo sắc sảo. Trong hoàn cảnh nước ta đương thời, đâu phải dễ dàng mà viết được những công trình khoa học như vậy và chính những điều đó khiến cho những học trò như chúng tôi suy nghĩ.

Cách mạng tháng 8 thành công, với tâm nguyện và ý chí của mình, Thầy Đào Duy Anh đã đi theo cách mạng, đi vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Chính trong những năm đầy khó khăn đó, Thầy

đã biên soạn bộ *Việt Nam lịch sử giáo trình* (xuất bản 1949), để rồi sau ngày hoà bình lập lại, khi trở thành thầy giáo đại học, Thầy sửa chữa, bổ sung và xuất bản thành bộ *Lịch sử Việt Nam* (2 tập). Có thể xem đây là bộ thông sử Việt Nam thời cổ trung đại đầu tiên của nước ta được biên soạn theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và cũng là bộ giáo trình lịch sử đầu tiên của trường đại học Việt Nam. Và phải chăng, trong những năm này, Thầy vừa trở thành một giáo sư vừa trở thành một nhà sử học. Nghĩa là vừa làm công tác đào tạo thế hệ khoa học trẻ vừa mở đường nghiên cứu lịch sử dân tộc thời phong kiến.

Sau ngày tốt nghiệp, tôi không được may mắn tiếp tục theo Thầy, nhưng những điều Thầy dạy, phương pháp giảng dạy của Thầy, sự khuyến khích, động viên của Thầy về nghiên cứu khoa học cũng như những gì tôi đã đọc và học được của Thầy qua các công trình nghiên cứu, dịch thuật và chú thích về lịch sử dân tộc, mãi mãi ghi sâu vào trí óc tôi, giúp tôi rất nhiều trong cuộc đời công tác, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Thầy Đào Duy Anh, tôi viết mấy dòng cảm nghĩ của mình về Thầy để khắc sâu hơn nữa lòng biết ơn và kính trọng của một học trò rất quý mến và hâm mộ Thầy.

(\*) GS., Khoa Sử, Đại học Sư phạm Hà Nội.

## GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH - NHÀ VĂN HOÁ LỖI LẠC

Bùi Duy Tân<sup>(\*)</sup>

Khoa Sử thường nói, viết thầy là *Giáo sư Sử học*. Đúng, nhưng chưa đủ. Giáo sư Đào Duy Anh trước hết là *Nhà sử học* vào loại lớn nhất của đất nước Việt Nam thế kỷ XX. Tôi là kẻ ngoại đạo, nói thế đâu có chủ quan cũng xin được miễn thứ. Trong nhà tôi, non chục công trình mà tôi dựa vào để kính Giáo sư là thầy, lại chưa phải là sử mà là các loại từ điển. Về mặt này, phải coi thầy là *Nhà từ điển học*. *Hán - Việt từ điển*, *Từ điển truyện Kiều*... đều là những công trình mở đường và đang có giá trị quý hiếm hàng đầu. *Hán - Việt từ điển* in đi in lại, in chính in trộm đến mấy chục lần số lượng quá nhiều; *Từ điển truyện Kiều* in lần đầu 1974 đến 30200 cuốn. Giáo sư Đào Duy Anh còn là *Nhà khảo cứu Hán Nôm trác việt*. Sách nào Cụ dịch, Cụ phiên âm, Cụ hiệu đính cũng dành được niềm tin của độc giả, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Nguyễn Trãi toàn tập* (in tái bản 1976: 5200 cuốn), cho đến nay vẫn là tập sách nghiên cứu chữ nôm theo phương pháp cổ điển hệ thống, toàn diện, khoa học, mà có giá trị thuyết phục không thua kém rừng sách nghiên cứu

chữ nôm theo phương pháp mới. *Tập Khảo luận truyện Kiều và Truyện Kiều* do Cụ khảo đính đến nay vẫn được coi là những tập sách nghiên cứu khảo luận văn bản có giá trị, được sách giáo khoa và các bộ tuyển tập, tổng tập trích in. Rồi tập *Việt Nam văn hoá sử cương* (in 1938) và Tiểu luận *Văn hoá là gì* (in 1946) lại là những công trình sớm nhất và sâu rộng nhất về văn hoá Việt Nam, mà tác giả Cụ Đào xứng đáng là *Nhà văn hoá lớn*.

Tôi đã từng được học và được đọc trước tác của bốn đại gia được suy tôn từ tiền bán thế kỷ trước: Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Cao Xuân Huy, Đặng Thai Mai, thấy rõ Giáo sư Đào Duy Anh là học giả có nhiều công trình khoa học ở nhiều lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, công trình của Cụ thường có tính chất khai sáng và đang còn giá trị cao. Tôi muốn, dầu có thể chủ quan, mệnh danh Thầy Đào Duy Anh là **Nhà văn hóa lỗi lạc**. Và xin được coi đây là nén tâm hương thành kính cảm tạ Cố Giáo sư nhân dịp kỷ niệm 100 năm sinh của Người.

<sup>(\*)</sup> PGS., Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.



## KÍNH TRỌNG GIÁO SƯ ĐÀO DUY ANH

Văn Tạo<sup>(1)</sup>

Bước chân vào ngành sử, tôi từng đem lòng kính trọng Giáo sư Đào Duy Anh - một nhà sử học uyên thâm, có nhiều cống hiến cho nền Sử học nước nhà. Tôi nhớ, năm 1954, khi Ban Văn Sử Địa mới ra đời, Trung ương Đảng chỉ thị cho Ban phải thu thập, quyên góp các di sản quý về Sử học đang bị cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp phá hoại, cũng như những tư liệu tịch thu được của địa chủ trong cải cách ruộng đất. Các nhà trí thức yêu nước cũng đã quan tâm đến việc này. Cho nên, thật là vui mừng, trong khi ở Việt Bắc chúng tôi đi thu thập được một số tài liệu trong đợt đầu phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất, thì ở khu 4 các nhà sử học tâm huyết với ngành, như Giáo sư Trần Văn Giàu, Giáo sư Đào Duy Anh đã sớm quan tâm đến việc này. Khi Ban Văn Sử Địa cử cán bộ vào tiếp nhận (đồng chí Hiến) thì hai Giáo sư đã sẵn sàng trao cho một số sách báo, tài liệu mà các giáo sư vốn nhay bén với thời cuộc đã quy tập được. Khối lượng tuy không nhiều do vận chuyển khó khăn, nhưng chất lượng là đáng quý. Cụ thể tư liệu hiếm hoi về Nguyễn Trường Tộ mà ngày nay chúng ta đang sử dụng là nằm trong số tư liệu này.

Năm 1959, Giáo sư Đào Duy Anh được Chính phủ cử về công tác tại Viện Sử học, chúng tôi vui mừng khi được đón

"một cây đại thụ" về làm thầy cho lớp trẻ. Đặc biệt lúc đó Nhà nước ta rất chăm lo khai thác di sản văn hoá dân tộc, không chỉ là thu thập tài liệu mà còn cho phiên dịch các tác phẩm sử học đã có từ Hán - Nôm ra tiếng Việt. Giáo sư Đào đã cùng các nhà Hán học uyên thâm như Trần Văn Giáp, Hoa Bằng Hoàng, Thúc Châm, Phạm Trọng Điềm cùng hơn một chục các cụ cử nhân, tú tài nho học khác và các nhà cổ sử như Nguyễn Đông Chi, Văn Tân... đã hợp tác phiên dịch hàng trăm công trình Sử học bằng Hán Nôm ra tiếng quốc ngữ mà đến nay chúng ta đang trân trọng sử dụng. Đồ sộ như bộ *Việt sử Thông giám Cương mục*, *Đại Nam thực lục tiền biên và chính biên*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam hội điển sự lệ*... trong đó Giáo sư Đào là người có công đóng góp quan trọng.

Nay nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của cụ, điều tôi học tập được ở cụ là *tinh thần say mê, có thể nói là hy sinh quên mình* vì sự nghiệp sử học nói riêng, cũng như vì sự nghiệp văn hoá nước nhà nói chung. Đặc biệt là *đức vị tha* trong đào tạo thế hệ trẻ và *đức khiêm tốn* trong khoa học và trong cuộc sống đời thường. Giáo sư không bao giờ nói hay viết về mình, cũng như không muốn ai ca ngợi mình lúc sinh thời. Chính vì vậy mà sự nghiệp của cụ lại ngày càng sán lạn, được nhân dân trong nước và thế giới đánh giá cao.

<sup>(1)</sup> GS., Viện Sử học.

## NHỚ VÀ NGHĨ VỀ THẦY

Lương Ninh <sup>(1)</sup>

Giáo sư Trần Văn Giàu nói: “*Trước đây ta có Lê Quý Đôn bác học, nay có Đào Duy Anh uyên bác*”; “*trong tư cách nhà sử học, nhà văn học, nhà khảo cổ học, nhà từ điển học... Cụ là một chứng nhân lớn lao của thế kỷ...*” (Phạm Văn Hạng), tôi cứ thấy nói thế vẫn còn chưa đủ.

Cụ sinh năm 1904, 28 tuổi làm xong Hán - Việt từ điển (1932), 32 tuổi làm xong Pháp - Việt từ điển (1936), quyển nào cũng trên dưới nghìn trang, và cũng là đã qua một thời làm báo Tiếng Dân và Tổng bí thư Đảng Tân Việt.

1954, tròn 50 tuổi, làm Giáo sư sử học, tiếp việc đã làm từ 9 năm trước (1945), Tổ trưởng tổ Cổ sử Việt Nam của Đại học Văn khoa, hoàn thành 4 tập *Lịch sử Việt Nam* từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX, một mình từ viết, tự in, tự phát hành. Thật kỳ lạ quá, không sao hiểu nổi. Đây không thể là công việc của một người bình thường, mà là *một thiên tài*.

Năm 1957, xảy ra vụ “Nhân văn giai phẩm” rồi đến đợt chỉnh huấn của tri thức, trong đó có các nhà giáo Đại học, kéo dài hơn một tháng. Tôi tham dự cùng một tổ với Cụ và nhiều người nữa, nhưng chuyện đã cũ qua lâu rồi, không nên nói lại. Sau năm này, Cụ phải nghỉ

dạy. Khoảng 2 năm sau đó chuyển về công tác nghiên cứu tại Viện Sử năm 1960, cảm nghĩ của Cụ sẽ nói dưới đây.

Tại Viện Sử học, viện trưởng Trần Huy Liệu nói: “*Anh muốn nghiên cứu vấn đề gì tùy anh, nhưng nên chọn những vấn đề hiển lành thì hơn*”. Cụ xúc tiến nghiên cứu một vấn đề đã có tích lũy trong quá trình nghiên cứu lịch sử là vấn đề Địa lý học lịch sử.

Năm 1964, tác phẩm *Đất nước Việt Nam qua các đời* xuất bản, tác phẩm mà bây giờ và hơn 100 năm sau sẽ còn đứng vững là sách cẩm nang, công cụ cho các nhà nghiên cứu lịch sử, địa lý, quản lý hành chính. Cần đã đành mà quý là ở chỗ đây là một công việc cho đến hiện nay, chỉ có Cụ duy nhất làm được. Hoá ra, việc này lại là “cái may mắn vĩnh cửu” cho khoa học.

Năm năm công tác tại Viện Sử, Cụ “*dịch và hiệu đính gần vạn trang*” (Hồi ký “*Nhớ nghĩ chiều hôm*”), nhiều thư tịch cổ do Cụ đề xuất, thúc đẩy mà có. Chỉ xin kể lại đây một số công trình chính:

- *Đại Nam thực lục*

- *Đại Nam nhất thống chí* 31 quyển, do ông Phạm Trọng Điềm dịch “cùng do tôi hiệu đính”.

<sup>(1)</sup> GS., Viện Khảo cổ học.

- Đại Việt sử ký toàn thư do Cao Huy Du dịch, "có nhiều chỗ sai về sự kiện và về niên hiệu, nên trong khi hiệu đính và chú giải, tôi phải làm việc khảo chứng tỉ mỉ để sửa chữa và giải thích mọi chỗ sai sót, về hình thức cũng như về nội dung" (Hồi ký, tr. 145).

- Lịch triều hiến chương loại chí.

- Phủ biên tạp lục.

- Gia đình thành công chí (do ông Đỗ Mộng Khương và ông Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch).

- Ô châu cận lục

Không phải chỉ là hiệu đính, chú giải bản dịch - việc này không phải là quá khó, nhưng chỉnh lý 7 - 8 bản viết/ in khác, phát hiện chỗ sai, tìm bản đúng nhất, sửa chỗ sai rồi mới dịch thì cho đến nay, cũng chỉ có Cụ làm được.

Một vạn trang sách trong hơn 5 năm. Lượng như thế đã là hiếm có, nhưng chất như thế thì không thể có người thứ hai, không ai làm thay được.

Xin trở lại một điều lý thú trong phong cách làm việc của một nhà khoa học siêu việt:

Ngày 19 - 12 - 1946, cụ đem gia đình tản cư về Thanh Hoá; ở đây, Cụ được bầu là Chi hội trưởng chi hội văn hoá tỉnh và cũng không quên nhắc tên đồng chí Lưu Cộng Hoà, Tỉnh uỷ viên đã ủng hộ nhiệt tình nhóm nghiên cứu. Đi chạy giặc mà Cụ lại kể: "Tôi chú ý đặc biệt về văn hoá, xã hội người Mường, về lịch sử thì tôi chú ý Cẩn Vương mà Thanh Hoá là một trung tâm lớn. Bấy giờ tôi có cơ hội đi nhiều nơi, lại đã sắm được xe đạp nên đi lại dễ dàng hơn. Tôi đã từng có nhiều hứng thú với cách thờ cúng thánh Lương

và định đi thăm hệ thống hơn trăm đền thờ". Cứ đi như thế, để đến khi biên soạn lịch sử, Cụ viết (xin trích một đoạn): "Sông Lạch Trường ngày nay là dòng chính sông Mã ngày xưa, sách cũ gọi là Ngu Giang. Tương truyền trước đây (đó hơn một thế kỷ), một trận lụt lớn đánh đắm một bè gỗ, cửa sông Ngu bị tắc, hẹp lại, thì sông Mã đã trở rộng thêm. Trước, sông Mã chảy ra Lạch Trường chỗ cửa Trào còn hẹp lắm, có nơi bắc cái đòn gánh mà qua được, và đi vòng ở phía sau, tức bên tả núi Phong, chứ không phải ở trước mặt núi như ngày nay...". Còn nhiều lắm kể không xiết.

Đến đâu, gặp việc gì không để phí thời gian, phát hiện ngay ra vấn đề, tìm tòi, nghiên cứu. Tôi không hiểu những đoạn tả sông, tả đất trên đây và còn nhiều lắm, khi tôi viết hồi ký là do Cụ nhớ, Cụ thuộc hay phải giở sách ra tra lại? Dù thư thế nào thì tôi cũng đã cảm thấy khiếp đảm rồi.

Năm 1965, Cụ nghỉ hưu ở tuổi 61. Nghỉ thật, nhưng cũng năm này, theo yêu cầu của Nhà xuất bản Quân đội, phân công cho chúng tôi dịch bộ *Binh thư yếu lược* và *Hồ trưởng khu cơ*. Nhóm dịch còn có ông Đỗ Mộng Khương và Nguyễn Ngọc Tĩnh, Cụ làm hiệu đính. Hai quyển này đến năm 1970 đã xuất bản.

Cũng trong năm 1965, "trong khi người ta đang chuẩn bị công việc kỷ niệm Nguyễn Du, tôi thoáng có cảm giác rằng đây phải là công việc của mình: biên soạn *Từ điển Truyện Kiều*", in năm 1972, ba công trình đồ sộ để lại vĩnh viễn cho đời. *Truyện Kiều* còn sống mãi với dân tộc, sau này, bất cứ ai tìm hiểu, nghiên

cứu *Truyện Kiều* lại không thể không lần giở *Từ điển Truyện Kiều*. Ba công trình làm tiếp sau khi nghỉ hưu 5 năm, 7 năm, nhưng bài học, tấm gương để lại cũng thật vô giá, mà cũng phải nói thật là khó theo: “Tôi thôi làm công việc hiệu đính, mà thực ra, tôi chỉ xem là công việc tay trái, còn như đối với công việc nghiên cứu thì sự về hưu không có ý nghĩa gì... có người thấy tôi vẫn làm việc như thường, lấy làm lạ... tôi phải trả lời nửa đùa nửa thật “tôi làm việc tức là trò giải trí... (Cảm nghĩ thứ nhất) Làm việc vốn là một nhu cầu của cơ thể, của trí tuệ, chứ có phải là việc khổ dịch đâu! Tôi cười và nói thêm rằng: Nhưng muốn như thế thì phải tu luyện thế nào cho thành nếp quen mới được” (tr. 149).

Sau đây, những tưởng Cụ nghỉ ngơi, hoá ra Cụ lại chuyển sang nghiên cứu Khổng, Lão, Phật. Theo tôi hiểu, không phải Cụ chú ý vấn đề tâm linh mà là vấn đề tinh thần. Thiển tøn thời nhà Trần rốt cuộc cũng lại là một vấn đề lịch sử. Cụ viết: “Phật giáo chỉ chú trọng vào tâm của con người, tức vào bản thân con người, Phật tức tâm, con người có thể đốn ngộ thành Phật nên cũng có thể “cư trần lạc đạo” (có thể vừa tu hành, vừa giúp đời).” Nhờ có sự nghiên cứu này mà ta có bản dịch của Cụ, tác phẩm *Khóa hư lục* của Thượng hoàng Trần Thái Tôn. Và cũng nhờ đó, ta biết *Cảm nghĩ thứ hai* của Cụ “*Khi còn trẻ, chúng ta tưởng rằng làm cách mệnh là quét sạch cả quá khứ lẫn hiện tại, để xây dựng tương lai. Càng nhiều tuổi càng thấy rằng công cuộc xây dựng tương lai không phải là đơn giản. Phải kết hợp việc vay mượn trong kho tàng văn hoá của loài người với việc kế*

*thừa trong kho tàng văn hoá của dân tộc”* (tr. 197).

Tiếp theo, cụ “*tìm hiểu phong trào thiện đàn*”, “*đôi thoại với một nhà Đạo học hiện đại*” (Giáo sư Cao Xuân Huy) và (cuối cùng) là “*Trí thức Việt Nam với dân tộc và cách mệnh*”.

Đây không phải là nghiên cứu, mà là tìm hiểu và suy ngẫm. Ấy là tôi hiểu như thế, đã đi vào khoa học rồi mà đối với Cụ thì có chỗ nào không phải là khoa học đâu? Đến yếu tố tinh thần, có đôi chút tâm linh mà Cụ hoàn toàn tỉnh táo, duy vật, đúng ra là khoa học, khoa học 100%. Tìm hiểu và suy ngẫm về cuộc đời, cuộc sống; sao lại không? Ai cũng phải sống và cuộc sống chính là hoàn cảnh để làm khoa học, để nghĩ, để có yếu tố tinh thần, thậm chí cả tâm linh nữa.

Cụ nghĩ về các triều đại phong kiến với trí thức, trí thức dân tộc, như cử nhân Nguyễn Trung Trực, Tiến sĩ Ngô Đức Kế, Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng, các bậc tri thức như Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn An Ninh... và Cách Mạng với trí thức như Hồ chủ tịch “*gọi về nước để tham gia đấu tranh giải phóng nước nhà*”, mọi người bỏ tất cả để theo Hồ chủ tịch, như Trần Tước, Trần Đại Nghĩa, Lương Đình Của, Đặng Văn Ngữ, cả nhà triết học trẻ tuổi Trần Đức Thảo..., những người mà “*cái ý thức dân tộc không bao giờ tắt*”, (nên) *Cảm nghĩ thứ ba*:

“*Không nên nhìn trí thức Việt Nam với con mắt của người cách mệnh phương Tây mà phải nhìn người trí thức Việt Nam trong điều kiện lịch sử dân tộc Việt Nam*”.

Nay, Cụ đã là người thiên cổ, thương tiếc vô cùng, nhưng cũng may sao, những công việc cần phải làm mà chỉ có mình Cụ làm được thì chính Cụ đã căn bản làm xong rồi. Những việc còn lại, nhẹ hơn, đặt trên vai những người kế tục. Chính vì thế, những người giảng dạy Đại học và nghiên cứu khoa học xã hội mang ơn và mắc ơn cụ nhiều quá. Hôm nay, ở đây, được nói vài lời để vơi bớt nỗi bức xúc của ơn và nợ, tuy không sao trả được.

Nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng nặn tượng chân dung Cụ, được Cụ tặng hai câu thơ, nhưng chính là hai câu tự vịnh (1977):

*“Cuộc đời nước mắt ngập đầu  
Thì hồn tinh về biết đâu mà về”*

Ấy thế mà cuốn hồi ký “*Nhớ nghĩ chiều hôm*” ghi “*viết xong năm 1972*” (năm xuất bản *Từ điển Truyện Kiều* và có lẽ cũng là cuối?). Nhưng mãi đến năm

1989, tức 17 năm sau, mới in, xuất bản được cuốn *Hồi ký* này.

Kết quyển *Hồi ký*, bìa 4, Cụ viết 4 câu thơ gọi là “*Đáp Tố Như*”:

*“Ông hỏi đời sau ai khóc mình?  
Mà nay bốn bề lại lừng danh  
Cho hết thầy đều mây nổi  
Còn với non sông một chút tình”*

Tôi không biết làm thơ, nếu biết tôi sẽ làm mấy câu thơ như thế, như lời Cụ đã “*Đáp Tố Như*” để kính thư vong linh cụ. Nhưng tôi chắc Cụ cũng không cần đến thơ của tôi, rồi cũng bị vượt qua, nhưng *công cụ* và *phương tiện* thì còn lại mãi mãi. Chính khối thư tịch cổ và khảo cứu tư liệu là *công cụ* và *phương tiện* Cụ để lại cho đời, đã dựng bia đá lưu danh Cụ, cho đến khi nào người Việt Nam còn cần đọc *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam thực lục...* và tra cứu các *Từ điển* của Cụ.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T.XX, N<sub>o</sub>2, 2004

## IMPRESSIONS AND FEELINGS ABOUT TEACHER PROFESSOR DAO DUY ANH

**Dinh Xuan Lam, Ha Van Tan, Tran Quoc Vuong, Truong Huu Quynh,  
Bui Duy Tan, Van Tao, Luong Ninh**

*Vietnam National University, Hanoi*

These are the quotations from the speeches by the scholars who used to be Prof. Dao Duy Anh's students on the occasion of their beloved and respected teacher's 100<sup>th</sup> birth anniversary Seminar. Through sincere words, moved memories, it is possible to see here our respect and deep gratitude to the teacher who had profound knowledge and highly respected moral devoted his whole life to the national culture research, set up the foundation of the Vietnamese ancient history and made the great effort to the national education.